

Soạn bài Lưu biệt khi xuất dương - Ngữ văn lớp 11

Câu 1. Đọc *Tiểu dẫn*, chú ý bối cảnh lịch sử đất nước và những ảnh hưởng từ nước ngoài để hiểu bài thơ.

Trả lời:

Văn học trung đại có loại thơ để nói chí, tỏ lòng ("*Thi dĩ ngôn chí*"). Bài thơ này cũng bộc lộ trực tiếp chí khí, hoài bão của tác giả. Nó rất gần với *Thuật hoài* của Phạm Ngũ Lão, *Chí làm trai* của Nguyễn Công Trứ,... Điều đặc biệt là chính cuộc đời và sự nghiệp của các tác giả đã minh chứng cho lí tưởng sống cao đẹp trong thơ. Thơ là gan ruột, là tâm huyết của họ. Họ đã trải nghiệm tất cả những điều đó bằng chính cuộc đời của mình trước khi biểu hiện trong văn chương.

Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh khá đặc biệt, đó là vào lúc tình hình chính trị trong nước hết sức rối ren. Chủ quyền đất nước đã hoàn toàn mất vào tay giặc, phong trào vũ trang chống thực dân Pháp theo con đường Cần vương đã thất bại không có cơ hội cứu vãn, chế độ phong kiến đã cao chung, bao anh hùng, nghĩa sĩ cứu nước đã hi sinh... Tình hình đó đặt ra trước mắt các nhà yêu nước một câu hỏi lớn, đầy day dứt: phải cứu nước bằng con đường nào?

Tiếp thu những tư tưởng dân chủ tư sản từ nước ngoài đang tràn vào Việt Nam ngày càng mạnh qua con đường Trung Hoa, Nhật Bản và trực tiếp từ Pháp, từ các nước phương Tây, trong hoàn cảnh con đường cứu nước đang bế tắc, các nhà nho ưu tú của thời đại như Phan Bội Châu đã say sưa với một hướng đi mới bất chấp nguy hiểm, gian lao mong tìm ra ánh bình minh cho Tổ quốc.

Câu 2. Tư duy mới mẻ, táo bạo và khát vọng hành động của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước được biểu lộ như thế nào?

Trả lời:

Xuất dương lưu biệt là lẽ sống mới, là khát vọng hành động của nhà chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu trong buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước.

a. Bài thơ mở đầu bằng hai câu thơ nói lên cái "*chí làm trai*":

Làm trai phải lạ ở trên đời,

Há để càn khôn tự chuyển dời.

Người xưa vốn không có quan niệm về thanh niên nói chung. Do tư tưởng "trọng nam khinh nữ" trong xã hội phong kiến, "chí làm trai" chỉ dành riêng cho các bậc trượng phu, các đấng mày râu, không bao hàm phụ nữ. Hai câu thơ khẳng định một lẽ sống đẹp của trượng phu. Phải *lạ* nghĩa là phải biết sống cho phi thường, hiên hách, phải dám mưu đồ

Soạn bài Lưu biệt khi xuất dương - Ngữ văn lớp 11

những việc kinh thiên, động địa, xoay chuyển "càn khôn", chứ không thể sống tầm thường, tẻ nhạt, buông xuôi theo số phận, chịu để con tạo xoay vần.

Cảm hứng và ý thơ của Phan Bội Châu gắn gũi với lí tưởng nhân sinh của các nhà nho trước (Phạm Ngũ Lão: *Công danh nam tử còn vương nợ*; Nguyễn Công Trứ: *Chí làm trai nam, bắc, đông, tây - Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể*), nhưng nó táo bạo hơn, quyết liệt hơn. Con người dám đối mặt với cả trời đất (càn khôn), cả vũ trụ để tự khẳng định mình, vượt hẳn lên cái mộng công danh gắn với hai chữ hiếu, trung để vươn tới những lí tưởng nhân quần, xã hội rộng lớn và cao cả hơn nhiều. Lí tưởng sống ấy đã tạo cho con người một tư thế mới, sánh ngang tầm vũ trụ.

b. Nếu như hai câu đầu là một mở đề thì hai câu thực kế tiếp triển khai cụ thể cái tư tưởng về "chí làm trai" ấy.

"Chí làm trai" của Phan Bội Châu gắn với ý thức về cái "tôi", nhưng không phải là cái "tôi" cá nhân mà là một cái "tôi" công dân đầy tinh thần trách nhiệm trước cuộc đời:

Trong khoảng trăm năm cần có tớ,

Sau này muôn thuở, há không ai?

Cuộc thế trăm năm này cần phải có ta, không phải là để hưởng lạc thú mà là để cống hiến cho đời, để đáng mặt nam nhi, để lưu danh thiên cổ. Câu thơ thứ nhất khẳng định dứt khoát, đến câu thứ hai, tác giả chuyển sang giọng nghi vấn, nhưng cũng để nhằm khẳng định quyết liệt hơn một khát vọng sống hiên hách, phát huy hết tài năng và chí khí cống hiến cho đời, để tên tuổi còn lại mãi mãi về sau. Ý thơ được tăng cấp lên, đồng thời thêm giọng khuyến khích, giục giã.

Trong những năm đầu thế kỉ XX, sau những thất bại liên tiếp của các phong trào đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp, một nỗi thất vọng, bi quan đang đè nặng lên tâm hồn những người Việt Nam yêu nước. Tâm lí buông xuôi, an phận, cam chịu cảnh "*cá chậu chim lồng*" trong một bộ phận nhân sĩ không phải không có. Chính bởi thế mà Phan Bội Châu muốn rung lên một hồi chuông để thức tỉnh mọi người, giục gọi thế hệ mình tiếp tục con đường tranh đấu.

Câu thơ giàu cảm hứng lãng mạn bay bổng gắn với những hình tượng nghệ thuật kì vĩ, trường tồn: Đất trời cao rộng (càn khôn), cuộc nhân sinh một đời người (trong khoảng trăm năm) và cả tương lai nối dài phía sau (sau này muôn thuở), càng làm tăng đến vô cùng sức mạnh của khát vọng và niềm tin.

c. Đến hai câu luận, cái "chí làm trai" oai hùng kia được gắn với hoàn cảnh thực tế xót xa của nước nhà:

Soạn bài Lưu biệt khi xuất dương - Ngữ văn lớp 11

Non sông đã chết, sống thêm nhục,

Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài!

Câu 5 nói lên nỗi nhục mất nước, nỗi xót đau đốt cháy tâm can nhà thơ (Non sông đã chết), đồng thời cũng khẳng định ý chí thép gang của những con người không cam chịu sống cuộc đời nô lệ đắng cay (Non sông đã chết, sống thêm nhục). Ý chí ấy gắn gũi với tư tưởng yêu nước, với ý chí của người nghĩa sĩ nông dân trong thơ của Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng đến câu 6 thì tư tưởng của Phan Bội Châu đã vượt hẳn lên, mang những sắc thái mới của tư tưởng thời đại.

Nêu cảm hứng yêu nước trong thơ văn cụ Đồ Chiểu còn mang nặng chữ hiếu, trung thì đến Phan Bội Châu, nó đã khác. Cụ Phan đã dám đối mặt với cả nền học vấn cũ để nhận thức một chân lí: Sách vở thánh hiền chẳng giúp ích gì trong buổi nước mất nhà tan, nếu cứ khư khư ôm giữ lấy thì chỉ là ngu (tụng diệc 57) mà thôi. Tất nhiên, Phan Bội Châu không phủ nhận cả nền học vấn Nho giáo, nhưng có được một ý tưởng như thế đã là hết sức táo bạo đối với một người từng là môn đồ của nơi "cửa Khổng sân Trình" rồi.

Có được dũng khí và nhận thức sáng suốt đó trước hết phải kể đến tấm lòng yêu nước nồng cháy mà ông đã thể hiện ở câu trên, đến khát vọng tìm con đường đi mới có thể đưa nước nhà thoát ra khỏi cảnh khổ đau. Bên cạnh đó không thể không nói tới những ảnh hưởng của luồng tư tưởng mới đang len lỏi vào đất nước này ngay từ mấy năm cuối thế kỉ XIX mà Phan Bội Châu đã đón nhận qua những cuốn tân thư lưu truyền bí mật. Nhân vật trữ tình ở đây hiện lên sừng sững, oai hùng với cái khí phách ngang tàng, táo bạo, quyết liệt của một nhà cách mạng đi tiên phong cho thời đại mới.

d. Bài thơ khép lại trong tư thế và khát vọng buổi lên đường của nhân vật trữ tình.

Các hình ảnh ở hai câu thơ cuối đều hết sức lớn lao: Biển Đông, cánh gió, muôn trùng sóng bạc. Tất cả đều như hoà nhập với con người trong tư thế đang "bay lên" (chữ *nhất tề phi* dịch là tiến ra khơi quá êm ả, không thật sát). Hình ảnh kết thúc này thật lãng mạn, hào hùng, con người dường như được chấp đôi cánh thiên thần, bay bổng trên thực tại tối tăm, khắc nghiệt vươn ngang tầm vũ trụ bao la.

Câu 3. Anh (chị) có nhận xét gì về hai câu 6 và 8 của bản dịch thơ so với nguyên tác (đối chiếu với phần dịch nghĩa)?

Trả lời:

So với nguyên tác, hai câu 6 và 8 dịch có đôi điều khác biệt:

- Câu 6: Nguyên tác: "Nguyện trực trường phong Đông hải khứ" - Mong muốn đuổi theo ngọn gió dài đi qua biển Đông. Câu dịch thơ lại là: "Muốn vượt bể Đông theo cánh gió" -

Soạn bài Lưu biệt khi xuất dương - Ngữ văn lớp 11

đạp bằng gian khó để đạt được ước nguyện giải phóng dân tộc. Nhưng câu thơ dịch chỉ chú ý đến "vượt bể Đông" mà không chú trọng đến ý thơ thể hiện được nhà thơ ý thức được gian khó - ý thức được gian khó nhưng vẫn khao khát vượt qua "đuổi theo". Do đó làm mất đi đôi chút lớn lao, mạnh mẽ, can trường của nhân vật trữ tình.

- Câu 8: Nguyên tác: "Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi" - ngàn đợt sóng bạc cùng bay lên. Câu thơ dịch là: "Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi". Câu thơ dịch làm mất đi cái kì vĩ, hào sảng của hình ảnh "nhất tề phi" - "cùng bay lên" đầy lãng mạn, hùng tráng.

Câu 4. Theo anh (chị), những yếu tố nào đã tạo nên sức lôi cuốn mạnh mẽ của bài thơ này?

Trả lời:

Những yếu tố tạo nên sức lôi cuốn mạnh mẽ của bài thơ.

- Khát vọng sống hào hùng, mãnh liệt của nhân vật trữ tình.
- Tư thế con người kì vĩ, đầy lãng mạn, sánh ngang tầm cùng vũ trụ.
- Khí phách ngang tàng, dám đương đầu với mọi thử thách.
- Giọng thơ tâm huyết, sâu lắng mà sục sôi, hào hùng.

LUYỆN TẬP

Câu hỏi bài tập: Viết một đoạn văn trình bày những cảm nhận của anh (chị) về hình ảnh nghệ thuật ở hai câu thơ cuối bài.

Trả lời:

Nghệ thuật của hai câu thơ cuối bài:

- Không gian: biển Đông rộng lớn
- Hình tượng thơ vừa kỳ vĩ, lớn lao vừa lãng mạn, thơ mộng (trường phong, Đông hải, thiên trùng, bạch lãng)
- Lời nói nhân hóa “thiên trùng bạch lãng nhất tề phi”
- Câu 7: Âm điệu rần rỏi, thể hiện lời nguyện thề dứt khoát, thiêng liêng với chính mình, trước bạn bè, đồng chí và đồng bào.

Soạn bài Lưu biệt khi xuất dương - Ngữ văn lớp 11

- Câu 8: Âm điệu nhịp nhàng, bay bổng, cao dần, xa dần làm cho lời nguyện biến thành hành động, dạt dào niềm lạc quan, phơi phới niềm tin.

Tham khảo đoạn văn sau:

"... Đến hai câu kết thì những nét bút kì vĩ cuối cùng đã hoàn thiện hành động kiệt xuất của một cuộc đời kiệt xuất:

Muốn vượt bể Đông theo cánh gió,

Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

Sáu câu thơ trên gợi ra những suy nghĩ, những lựa chọn, những chuẩn bị trong tâm lí, trong tư tưởng của một con đại bàng. Ở hai câu này, chúng ta thấy con đại bàng ấy đang tung đôi cánh mệnh mông của mình bay thẳng ra trùng dương, đối mặt với hết thảy những giông tố, bão bùng. Câu thơ gợi ta nhớ đến tư thế con chim lớn trong thơ Nguyễn Hữu Cầu: "*Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu Hán - Phá vòng vây bạn với kim ô*". Nhưng câu thơ của Phan Bội Châu không còn là một hình ảnh ước lệ nữa. Bởi phong trào Đông Du mà ông là người chủ trương, bởi việc xuất dương mà ông là người khởi sự chính là những hành động phi thường của những bậc trượng phu sẵn sàng ném đời mình vào muôn trùng sóng bạc ra khơi tìm đường làm sống lại "giang sơn đã chết", tìm cách xoay chuyển càn khôn.

Bài thơ kết thúc bằng câu thơ đầy hùng tâm tráng chí mà câu thơ dịch chưa thể chuyển tải hết được:

Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

(Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi)

Như vậy, làm trang nam nhi không phải là bằng mọi cách để lưu danh sử sách, khẳng định cá nhân. Mà cá nhân ấy phải làm nên việc phi thường, ấy là việc kinh bang tế thế, cứu dân cứu nước. Khát vọng sống cao cả của Phan Bội Châu ở đây, một lần nữa, giúp ta hiểu được cái cốt cách vĩ đại của con người kiệt xuất này".

(Phan Huy Dũng, *Phân tích bình giảng tác phẩm văn học II*,

NXB Giáo dục, 2006)